

Số: 56 /NQ-HĐND

Phước Long, ngày 24 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Kế hoạch thực hiện chương trình nâng cao chất lượng
chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2020-2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG KHÓA III, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 139-NQ/CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/11/2017 của Hội nghị lần thứ mười sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

Căn cứ Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 29/12/2017 của Tỉnh ủy tỉnh Bình Phước về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

Căn cứ Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh Quy định về chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 14/9/2020 của UBND tỉnh Bình Phước thực hiện Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (giai đoạn thực hiện 2020-2030);

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12/6/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Phước Long lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2020 của Thị ủy Phước Long về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020-2025);

Xét Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 08/12/2020 của UBND thị xã về đề nghị thông qua Kế hoạch thực hiện chương trình nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2020-2025; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND-KTXH ngày 18/12/2020 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch thực hiện chương trình nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2020 – 2025 (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức triển khai thực hiện. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long khóa III, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh (Tổ số 3);
- TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN TX;
- ĐB và 02 Ban.HĐND, TV. UBND TX;
- Các CQ, BN, ĐT thị xã;
- HĐND, UBND xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.



Lê Thanh Sơn

Số: 260/KH-UBND

Phước Long, ngày 08 tháng 12 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện chương trình nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2020-2025

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12/06/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Phước Long lần thứ XII; Chương trình số 01-CTr/TU ngày 22/7/2020 của Thị ủy Phước Long về chương trình làm việc toàn khóa của Ban chấp hành Đảng bộ thị xã khóa XII nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2020 của Thị ủy Phước Long về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020-2025). Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND và Nghị Quyết 18/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 139-NQ/CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 33-CTr/TU ngày 29/12/2017 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2020-2025 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để các ban ngành và địa phương tập trung chỉ đạo, xây dựng đề án, nhiệm vụ triển khai đầy đủ, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp, phân đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà Nghị quyết số I Đại hội đảng bộ thị xã lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế, đảm bảo người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế chất lượng cao, nâng cao chất lượng dân số.

- Nâng cao năng lực quản lý và thực hiện chính sách y tế, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển hệ thống thông tin đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển. Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng. Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính ngành y tế, tăng cường đầu tư công cho y tế, phát triển bảo hiểm y tế toàn dân; sử dụng nguồn tài chính y tế hiệu quả.

2. Yêu cầu:

- Xác định rõ những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để các ban ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai;

- Các ban, ngành, địa phương và người dân tham gia tích cực hơn vào công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, trong đó ngành y tế là nòng cốt, xây dựng các kế hoạch cụ thể liên quan đến công tác bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân. Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về sức khỏe của Nghị quyết vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị, địa phương.

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các ban, ngành và chính quyền địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để đạt mục tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, chất lượng cuộc sống nhân dân trong thị xã. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần.

Đầu tư nguồn lực tài chính cho các hoạt động của y tế cơ sở; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và phát triển đội ngũ nhân viên y tế có năng lực chuyên môn vững vàng để nâng cao chất lượng công tác y tế dự phòng, chất lượng các dịch vụ khám chữa bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hàng năm, phấn đấu đạt các chỉ tiêu y tế - dân số không để dịch bệnh xảy ra.
- Đầu tư xây dựng Trung tâm đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II.
- Xây dựng Khu khám và điều trị bệnh lây nhiễm quy mô 30 giường.
- Xây dựng Khu tiêm chủng chất lượng cao.
- Ứng dụng công nghệ 4.0 trong việc triển khai bệnh án điện tử.
- Thực hiện tốt Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND và Nghị Quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐẾN NĂM 2025
1	Dân số trung bình	64.479
2	Số bác sĩ trên 10.000 dân	10,1
3	Tỷ lệ Trạm y tế xã/phường có bác sĩ làm việc(%)	100
4	Số giường bệnh trên 10.000 dân (không bao gồm giường TYT)	45
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (%)	100
6	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (%)	>95
7	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã (%)	100

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐẾN NĂM 2025
8	Tỷ lệ bệnh nhân được khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền hoặc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại (%)	25
9	Tỷ lệ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xử lý chất thải y tế đạt tiêu chuẩn (%)	>90%
10	Tỷ số tử vong mẹ (trên 100.000 ca sinh sống)	0
11	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (trên 1.000 ca sinh sống)	<1,09
12	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (trên 1.000 ca sinh sống)	<2,18
13	Tỷ số giới tính khi sinh (trai/100 gái)	108
14	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) (%)	<5,1
15	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%)	<0,1
16	Duy trì mức sinh thay thế	2,1

III. NỘI DUNG TRỌNG TÂM, NHIỆM VỤ & GIẢI PHÁP

Căn cứ mục tiêu cụ thể, xác định các nhiệm vụ cần triển khai đến năm 2025, trong đó cần tập trung một số nội dung trọng tâm như sau:

1. Phân đầu đạt các chỉ tiêu về mục tiêu y tế - dân số

1.2. Chỉ tiêu cụ thể

- Tỷ lệ 10 bác sĩ trên 10.000 dân, tỷ lệ 45 giường bệnh trên 10.000 dân
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 5,1%;
- Thực hiện duy trì mức sinh thay thế 2,1 con và nâng cao chất lượng dân số trong tình hình mới;
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã 100%;
- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế đạt 95%.

1.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Phát triển nguồn nhân lực: triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các ban, ngành và chính quyền địa phương cộng đồng xã hội tham gia thực hiện về vệ sinh dinh dưỡng nhằm giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi, cải thiện dinh dưỡng cho bà mẹ trước trong khi mang thai và bổ sung dinh dưỡng cho trẻ em mọi lứa tuổi.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục quản lý về chính sách dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Kết hợp tốt truyền

thông đại chúng với truyền thông trực tiếp thông qua mạng lưới cộng tác viên dân số.

- Nâng cao năng lực y tế dự phòng gắn với y tế cơ sở. Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở (YTCS) trong bối cảnh thay đổi mô hình bệnh tật, dịch bệnh diễn biến bất thường có nhiều chủng mới, cần chủ động, dự báo, phát hiện sớm và không chế kịp thời không để dịch bùng phát, xây dựng Kế hoạch đáp ứng phòng chống dịch hàng năm và khi có dịch khẩn cấp.

- Đổi mới công tác tài chính và đầu tư bảo đảm tài chính cho y tế cơ sở gắn với bảo hiểm y tế toàn dân. Tăng tỷ lệ chi ngân sách hàng năm cho y tế, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của ngân sách nhà nước. Dành ít nhất 30% ngân sách y tế của Nhà nước cho y tế dự phòng, bảo đảm đủ kinh phí cho hoạt động thường xuyên của trạm y tế xã, phường và phụ cấp cho nhân viên y tế khu phố, thôn. Hàng năm đạt ít nhất 10% tổng chi ngân sách nhà nước dành cho y tế;

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong phòng chống tai nạn, thương tích, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, đuối nước, tự tử, bệnh nghề nghiệp, phòng chống HIV/AIDS, An toàn vệ sinh thực phẩm. Triển khai các giải pháp thích hợp để phòng và khắc phục nhanh hậu quả đối với sức khỏe do thảm họa, thiên tai, biến đổi khí hậu, già hóa dân số, bạo lực gia đình...

- Tăng cường tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, không ngừng tăng số lượng người tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc, mở rộng đối tượng tham gia BHYT để góp phần tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân theo đúng lộ trình.

1.3. Lộ trình thực hiện

- Năm 2020: Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh Bình Phước.

- Năm 2020-2022: Xây dựng, thẩm định, phê duyệt Đề án và đi vào hoạt động khu khám và điều trị bệnh lây nhiễm quy mô 30 giường.

- Năm 2020-2025: Xây dựng các Kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Kế hoạch phòng chống dịch bệnh, Kế hoạch thực hiện chính sách Dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản theo từng năm.

- Năm 2021-2025: Khảo sát, sửa chữa, xây mới các hạng mục xuống cấp, đầu tư trang thiết bị tại các trạm y tế xã, phường.

- Quý I/2025: Báo cáo tổng kết.

1.4. Kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước

2. Xây dựng Trung tâm y tế đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II.

2.1. Chỉ tiêu cụ thể

- Nâng cao chất lượng khám và điều trị cho người dân tại thị xã Phước Long và các vùng lân cận.

- Đến năm 2025 Trung tâm y tế đạt từ 300 giường bệnh.
- Phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao.
- Đầu tư xây dựng khu khám và điều trị cách ly bệnh lây nhiễm quy mô 30 giường bệnh.
- Phát triển đồng bộ các dịch vụ y tế cơ bản, kết nối khám và điều trị bệnh với các bệnh viện tuyến trên nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển dịch vụ kỹ thuật cao trong khám chữa bệnh theo Đề án Bệnh viện hạng II như: Chụp CT, Phẫu thuật nội soi Tai-Mũi-Họng,... Tiếp tục duy trì nâng cao chất lượng theo tiêu chí bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế.
- Phát triển khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.

2.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng Đề án Trung tâm y tế lên Bệnh viện hạng II theo tiêu chuẩn Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/08/2005 Hướng dẫn xếp hạng bệnh viện.
- Xây dựng Kế hoạch thực hiện nâng mức giường bệnh từ 245 lên 300 giường.
- Hàng năm thống kê, báo cáo, đề xuất Sở y tế giao chỉ tiêu mở rộng quy mô giường bệnh lên 300 giường theo lộ trình
- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch Đào tạo nguồn nhân lực y tế về chuyên môn và chính trị giai đoạn 2020-2025. Tạo điều kiện để cán bộ chủ chốt, lãnh đạo các khoa phòng tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn như: đào tạo bác sĩ, bác sĩ chuyên khoa I, chuyên khoa II...
- Đầu tư về cơ sở vật chất, thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, trong đó triển khai một số kỹ thuật cao như máy chụp CT, máy Nội soi Tai-Mũi-Họng, Dụng cụ mổ nội soi, phẫu thuật chỉnh hình.

2.3. Lộ trình thực hiện

- Năm 2020: Xây dựng, thẩm định và phê duyệt Đề án Trung tâm y tế lên bệnh viện hạng II.
- Năm 2021-2025: Xây dựng Kế hoạch hàng năm và tổng thể 05 năm phát triển nguồn nhân lực y tế.
- Năm 2021-2024: Thẩm định và đầu tư các trang thiết bị máy móc triển khai dịch vụ kỹ thuật cao.
- Năm 2024: Hoàn thành đầy đủ hồ sơ thủ tục đề nghị lên bệnh viện hạng II.
- Năm 2025: Bệnh viện chính thức đi vào hoạt động.

2.4. Kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước

3. Xây dựng khu khám và điều trị bệnh lây nhiễm

3.1. Chỉ tiêu cụ thể

- Nâng cao năng lực quản lý, dự phòng và điều trị các bệnh lây nhiễm, phục vụ người bệnh thuộc nhóm bệnh truyền nhiễm với quy mô 30 giường.
- Nâng cao nhận thức của xã hội về bệnh truyền nhiễm, giảm thiểu yếu tố lây nhiễm của người bệnh và cộng đồng.
- Là khu cách ly các bệnh truyền nhiễm khi có dịch bệnh xảy ra.
- Một trong những Kế hoạch tăng cơ sở giường bệnh trong mục tiêu lên Bệnh viện hạng II.

3.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Quy hoạch cụ thể diện tích đất xây dựng trên diện tích đất của Trung tâm y tế.
- Xây dựng khu lây nhiễm độc lập với các khoa, phòng khác, đảm bảo các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định.
- Xây dựng các quy chế hoạt động khi triển khai Kế hoạch đề ra.
- Đầu tư về đào tạo nhân lực, trang thiết bị, máy móc.

3.3. Lộ trình thực hiện

- Năm 2020-2021: Lập dự án đầu tư khu Khám và điều trị bệnh lây nhiễm với quy mô 30 giường, đồng thời Khảo sát, thiết kế và thẩm định phê duyệt.
- Năm 2021-2022: Tiến hành đầu tư xây dựng, mua sắm các trang thiết bị máy móc.
- Quý IV/ 2022: Chính thức đi vào hoạt động.

3.4. Kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước

4. Xây dựng Đề án “ Khu tiêm chủng chất lượng cao”

4.1. Chỉ tiêu cụ thể

- Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin 100%
- Đa dạng vắc xin phục vụ cho mọi đối tượng là người dân trên địa bàn thị xã Phước Long và các vùng lân cận.
- Thực hiện an toàn trong tiêm chủng.

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp

Quy hoạch: Trên cơ sở quy hoạch chung của thị xã, lập quy hoạch sử dụng đất xây dựng trên đất thuộc Trung tâm y tế

4.3. Lộ trình thực hiện

- Năm 2020: Xây dựng Đề án, thẩm định và phê duyệt “Khu tiêm chủng chất lượng cao”.
- Năm 2021-2022: Xây dựng trên diện tích đất quy hoạch và đầu tư các trang thiết bị y tế.

- Quý IV/2023: Chính thức đi vào hoạt động.

4.4. Kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước và kinh phí kêu gọi đầu tư xã hội hóa.

5. Xây dựng triển khai Bệnh án điện tử, ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác khám, chữa bệnh

5.1. Chỉ tiêu cụ thể:

Lộ trình đến năm 2025, triển khai và thực hiện hồ sơ bệnh án điện tử theo Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành quy định hồ sơ bệnh án điện tử.

5.2. Nhiệm vụ, giải pháp

- Xây dựng Đề án triển khai Bệnh án điện tử.
- Đầu tư vật tư trang thiết bị máy móc bao gồm máy tính, máy chủ, các thiết bị.

- Đào tạo nguồn nhân lực.

5.3. Lộ trình thực hiện

- Năm 2020-2021: Xây dựng Đề án triển khai bệnh án điện tử
- Năm 2021-2023: Thẩm định, Phê duyệt Đề án, đầu tư trang thiết bị, phần mềm quản lý.
- Năm 2024-2025: Triển khai đồng bộ không sử dụng hồ sơ giấy
- Quý I/2025: Báo cáo tổng kết.

5.4. Kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách Nhà nước
- Nguồn ngân sách nhà nước và kinh phí kêu gọi đầu tư xã hội hóa (đối với Đề án xây dựng khu tiêm chủng chất lượng cao).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm y tế

- Phối hợp các phòng ban, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, bảo đảm phù hợp với các mục tiêu, nội dung, giải pháp của Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các ban ngành, sắp xếp các danh mục, đầu tư theo quy hoạch ngành được phê duyệt, trong đó ưu tiên đề án Xây dựng Trung tâm y tế lên bệnh viện hạng II, Đề án xây dựng khu tiêm chủng chất lượng cao, Khu khám và điều trị bệnh lây nhiễm quy mô 30 giường.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đồng bộ các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số và chương trình về nâng cao sức khỏe, tầm vóc người

dân; Chương trình dinh dưỡng; Phòng, chống thiếu vitamin A; Phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt...

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030.

2. Phòng Nội vụ - Lao động thương binh và xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm y tế, các ban, ngành liên quan triển khai tốt công tác bảo vệ sức khỏe người lao động; phòng, chống bệnh nghề nghiệp; an toàn lao động; phòng chống đuối nước trẻ em;

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm y tế và các ban, ngành liên quan thực hiện tốt chế độ thu hút của tỉnh để khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, các vùng khó khăn... Có chính sách cụ thể nhằm phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Tham mưu UBND thị xã bố trí ngân sách nhà nước cho y tế theo đúng quy định. Tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, các lĩnh vực dân số, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình lao, phong, tâm thần...

- Tham mưu UBND thị xã ưu tiên các chương trình, dự án đầu tư cho y tế cơ sở và các hoạt động nâng cao sức khỏe nhân dân.

4. Bảo hiểm xã hội thị xã

Phối hợp với Trung tâm y tế và các ban ngành liên quan xây dựng kế hoạch, giải pháp tuyên truyền về nghĩa vụ và quyền lợi khi người dân tham gia BHYT đạt tỷ lệ bao phủ theo Kế hoạch đề ra, hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân.

5. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền về những chính sách, chương trình hành động nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Cùng cố, phát triển mạng lưới truyền thông từ thị xã đến khu phố, thôn; xây dựng các thông điệp, nội dung truyền thông phù hợp để người dân dễ nhớ, dễ hiểu, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho bản thân, gia đình và xã hội.

6. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các nội dung xử lý chất thải y tế, bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt.

7. Phòng Quản lý đô thị

Tham gia đóng góp ý kiến về thiết kế và thẩm tra thiết kế các dự án đầu tư xây dựng của ngành y tế thị xã theo quy định hiện hành.

8. UBND các xã, phường

- Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân cấp xã, phường.


- Quan tâm đầu tư cho y tế dự phòng, y tế cơ sở đảm bảo nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới tại địa phương.

9. Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể

Phối hợp với Trung tâm y tế triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án và các nhiệm vụ liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ở địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chương trình nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2020-2025 của Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long./.

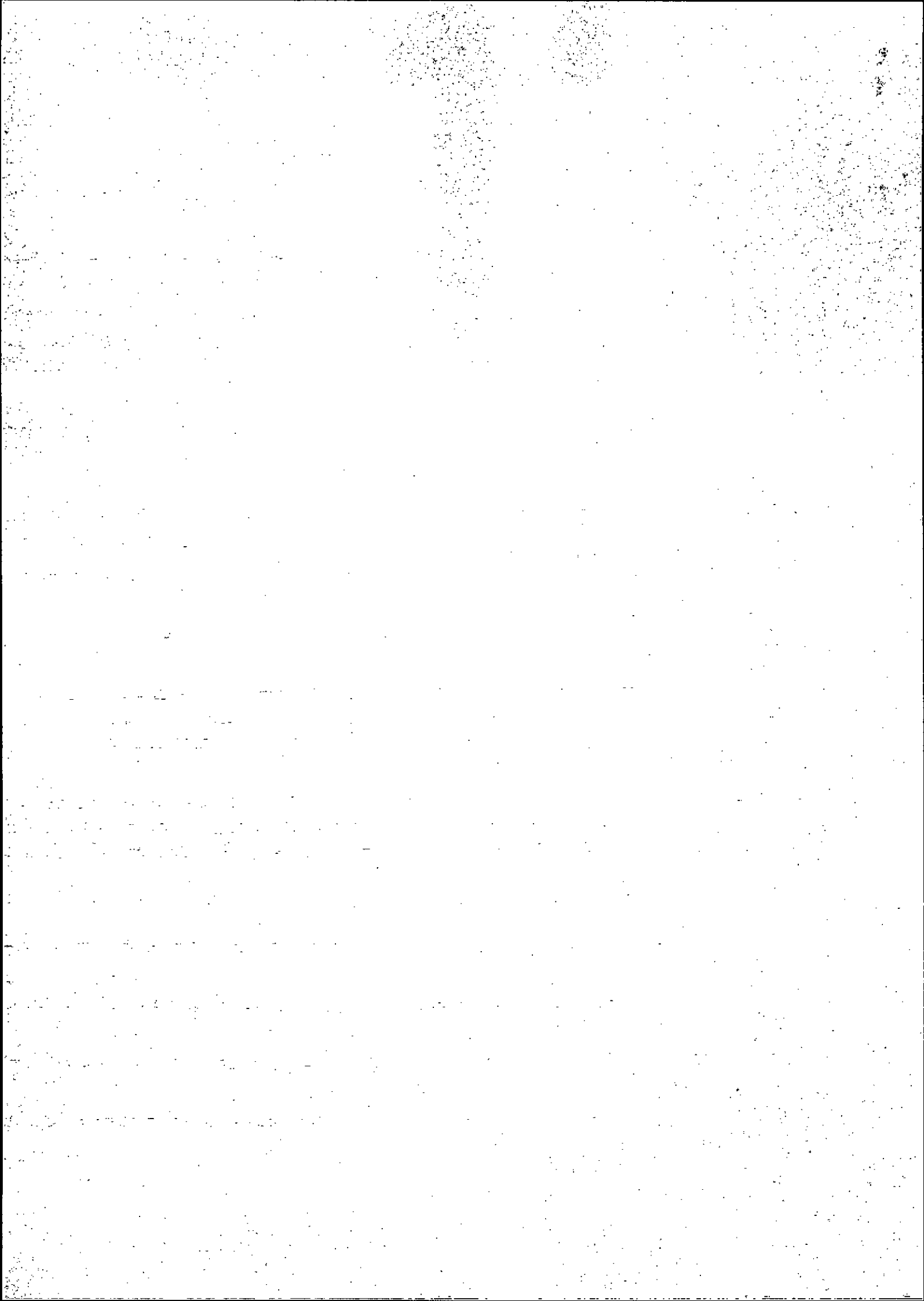
Nơi nhận:

- Sở y tế;
- TT. TU, TT. HĐND thị xã;
- CT, PCT. UBND thị xã;
- Trung tâm y tế;
- Các CQ, BN, ĐT;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu VT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng



Phụ lục 1: Các chỉ tiêu thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Kế hoạch phòng chống dịch bệnh, Kế hoạch thực hiện chính sách Dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản theo từng năm.

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Số bác sĩ/vạn dân	9,1	9,3	9,5	9,7	10,1
Số bác sĩ	52	55	58	61	65
Số giường bệnh/vạn dân	44	44	44	45	45
Số giường bệnh:	245	255	265	275	290
Trong đó :+Bệnh viện	215	225	235	245	255
+Trạm y tế	35	35	35	35	35
Tỷ lệ Trạm y tế có bác sĩ hoạt động	3	4	5	6	7
Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ	85	90	95	98	100
Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	5,5	5,4	5,3	5,2	<5,1
Duy trì ổn định mức sinh thay thế	2,1	2,1	2,1	2,1	2,1
Tỷ lệ giới tính khi sinh	112/100	111/100	110/100	109/100	108/100
Dân số trung bình	57,289	59,007	60,777	62,601	64,479

Phụ lục 2: DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ BÁC SĨ GIAI ĐOẠN 2020-2025

Dự toán kinh phí thực hiện thu hút, đãi ngộ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2020-2025 là **10,887,710,000** (Mười tỷ tám trăm tám bảy ngàn bảy trăm mười đồng), trong đó:

- Chi phí thu hút bác sĩ: 2.436.150.000
- Chi phí đào tạo đại học, sau đại học: 997.720.000
- Chi phí hỗ trợ hàng tháng đối với bác sĩ đang công tác: 7.473.840.000

STT	Chính sách	Tổng số tiền trợ cấp thu nhập hàng tháng	Bác sĩ có trình độ chuyên khoa cấp II, tiến sĩ y học	Bác sĩ có trình độ chuyên khoa cấp I, thạc sĩ y học, bác sĩ nội trú	Bác sĩ có trình độ đại học	Ghi chú
1	Thu hút	2,436,150,000	350,150,000	1,229,250,000	856,750,000	
	<i>Số lượng</i>	11	<i>1</i>	<i>5</i>	<i>5</i>	
2	Đào tạo	977,720,000	199,200,000	369,920,000	408,600,000	
	<i>Số lượng</i>	15	<i>2</i>	<i>8</i>	<i>5</i>	
3	Đãi ngộ	7,473,840,000	536,400,000	1,394,640,000	5,542,800,000	
	<i>Số lượng</i>	33	<i>1</i>	<i>5</i>	<i>27</i>	
TỔNG CỘNG		10,887,710,000				

Phụ lục 3. NHU CẦU ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2020-2025 CHO Y TẾ CƠ SỞ

Dự toán kinh phí đầu tư y tế cơ sở giai đoạn 2020-2025 là **46.139.000.000** đồng trong đó:

- Sửa chữa, xây mới cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị vật tư y tế cho các Trạm y tế xã, phường: **5.110.000.000** đồng
- Sửa chữa, xây mới cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị vật tư y tế Trung tâm y tế: **41.029.000.000** đồng

STT	Nội dung	Phân loại vùng	Nguồn	Ước kinh phí (triệu đồng)	Loại đầu tư	Ghi chú
I	TRẠM Y TẾ (1+2)			5,110.0		
1	Cơ sở hạ tầng			5,110.0		
1.1	TYT phường Thác Mơ: 250 mét vuông nhà, 4 nhà vệ sinh, 100 m2 sân, công và hàng rào	IV	Chưa có	1,250.0	Xây mới	Trạm y tế đã xuống cấp, đã sửa chữa nhiều lần
1.2	TYT phường Sơn Giang: 250 mét vuông nhà, 4 nhà vệ sinh, 100 m2 sân, công và hàng rào	IV	Chưa có	1,250.0	Xây mới	Trạm y tế đã xuống cấp, đã sửa chữa nhiều lần
1.3	TYT phường Phước Tín: 300 mét vuông nhà, 4 nhà vệ sinh, 100 m2 sân, công và hàng rào	IV	Chưa có	1,650.0	Xây mới	Trạm y tế đã xuống cấp, đã sửa chữa nhiều lần
1.4	Sơn sửa chữa, chống thấm 4 trạm y tế: Long Giang, Phước Bình, Long Phước, Long Thủy, 8 nhà vệ sinh	IV	Chưa có	960.0	Sửa chữa, sơn chống thấm	Một số vị trí đã bị thấm mốc, hệ thống nước nhà vệ sinh cần phải sửa chữa
2	Trang thiết bị					
-	TYT xã	IV				
-	TYT xã	IV				
II	TRUNG TÂM Y TẾ (1+2)			41,029.0		
1	Cơ sở hạ tầng			13,440.0		
1.1	Nâng cấp khu hành chính của trung tâm y tế 75 m *13m	IV	Chưa có	2,730.0	Xây mới	Hiện nay khu hành chính còn lồi ghép với khu vực điều trị, các phòng trật hẹp
1.2	Xây dựng khu trung tâm chích ngừa vắc xin chất lượng cao	IV	Chưa có	2,730.0	Xây mới	Liên doanh liên kết
1.3	Xây dựng khu vực bệnh truyền nhiễm cách ly phòng hành chính, phòng trực,	IV	Chưa có	5,400.0	Xây mới	Hiện nay trung tâm đang sử dụng khu các ly đã được xây

	buồng bệnh, nhà vệ sinh: 30m x 30m, công, tường rào vây quanh					dựng từ trên 30 năm. diện tích nhỏ, không có hàng rào tách riêng
1.4	Sửa chữa hệ thống 49 nhà vệ sinh, sơn chống thấm khu khám bệnh và điều trị nội trú: 2.000 m ² nền x 4 tường	IV	Chưa có	2,580.0	Sửa chữa, sơn chống thấm	Trụ sở đã xây dựng 10 năm, nhiều vị trí thấm mốc, nhà vệ sinh hư hỏng nhiều
2	Trang thiết bị			27,589.0		
2.1	Trang bị máy CT-Scanner 32 lát cắt	IV	NSTW	6,000.0	Sở y tế cấp	Phát triển ngoại khoa
2.2	Mua Máy siêu âm màu 4D	IV	Chưa có	1,500.0	Mua mới	Triển khai siêu âm màu, tim mạch
2.3	Mua máy nội soi tai mũi họng	IV	Chưa có	100.0	Mua mới	Triển khai kỹ thuật nội soi tai mũi họng
2.4	Mua bộ dụng cụ phẫu thuật ngoại tổng quát	IV	Chưa có	450.0	Mua mới	Phát triển ngoại khoa
2.5	Mua Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng tổng quát	IV	Chưa có	1,900.0	Mua mới	triển khai kỹ thuật mổ nội soi
2.6	Mua máy đo khúc xạ, bộ dụng cụ chuyên khoa mắt	IV	Chưa có	161.0	Mua mới	Khám mắt
2.7	Mua máy đo chức năng hô hấp	IV	Chưa có	120.0	Mua mới	hồi sức
2.8	Mua Máy siêu âm điều trị kết hợp điện xung	IV	Chưa có	150.0	Mua mới	Kỹ thuật vật lý trị liệu
2.9	Mua Máy siêu âm điều trị	IV	Chưa có	100.0	Mua mới	Kỹ thuật vật lý trị liệu
1.10	Mua Máy điều trị bằng sóng xung kích	IV	Chưa có	780.0	Mua mới	Kỹ thuật vật lý trị liệu
1.11	Mua Máy kéo cột sống tự động	IV	Chưa có	450.0	Mua mới	Kỹ thuật vật lý trị liệu
2.12	Mua Máy kích thích điện và điện phân thuốc kết hợp	IV	Chưa có	180.0	Mua mới	Kỹ thuật vật lý trị liệu
2.13	Mua Máy trị liệu bằng nhiệt, rung từ 2 kênh	IV	Chưa có	230.0	Mua mới	Kỹ thuật vật lý trị liệu
2.14	Mua máy xét nghiệm miễn dịch	IV	Chưa có	700.0	Mua mới	Xét nghiệm miễn dịch
2.15	Mua máy monitoring theo dõi bệnh nhân	IV	Chưa có	200.0	Mua mới	Hồi sức
2.16	Bộ dụng cụ chấn thương chỉnh hình	IV	Chưa có	100.0	Mua mới	Phát triển ngoại khoa
2.17	Máy gây mê + giúp thở	IV	Chưa có	600.0	Mua mới	Phát triển ngoại khoa
2.18	Máy bơm khí CO ₂	IV	Chưa có	150.0	Mua mới	Phát triển ngoại khoa
2.19	Mua 1 Bộ đặt nội khí quản (có camera)	IV	Chưa có	98.0	Mua mới	Hồi sức
2.20	Máy điện tim (máy đo ECG)	IV	Chưa có	50.0	Mua mới	Khám sức khỏe

2.21	Máy hấp dụng cụ, Máy sấy dụng cụ	IV	Chưa có	200.0	Mua mới	Khử khuẩn
2.22	Tủ lạnh trữ máu	IV	Chưa có	120.0	Mua mới	Bảo quản máu
2.23	Trang bị hệ thống phần mềm, hệ thống công nghệ thông tin triển khai bệnh án điện tử	IV	Chưa có	10,000	Mua mới	Bệnh án điện tử, bệnh viện thông minh
2.24	Máy chạy thận nhân tạo	IV	Chưa có	3,250.0	Mua mới	
	Tổng cộng (I+II)			46,139.0		



